

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2356/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025; số 2073/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 1671/UNND-TNMT ngày 01/6/2021 về việc nghiên cứu, khảo sát, đề xuất Dự án Làng Văn hóa du lịch

và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương; số 2919/UBND-TNMT ngày 16/8/2021 về việc đề xuất của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1636/SXD-QHĐT ngày 12/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 471/TTr-SXD ngày 18/3/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương.

3. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch.

4. Quy mô, ranh giới đất xây dựng:

a. Vị trí ranh giới và phạm vi:

- Phía Đông giáp với đường tỉnh ĐT185;

- Phía Tây giáp với đường quốc lộ 2C;

- Phía Nam giáp với cầu Thác Dải;

- Phía Bắc giáp với cầu Trắng, đường đi khi di tích Tân Trào.

b. Quy mô lập quy hoạch:

+ Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch là: 250.000 m²

+ Diện tích xây dựng Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào là: 183.749 m².

5. Mục tiêu quy hoạch:

Xây dựng Làng Văn hóa du lịch nhằm gìn giữ các giá trị cốt lõi của di tích cũng như phát huy tối đa các giá trị của di tích lịch sử.

Xây dựng điểm đón tiếp, nghỉ dưỡng thành một khu vực quan trọng trong mô hình chuỗi các điểm du lịch tạo thành quần thể du lịch có quy mô, tính chất tâm cỡ. Quy hoạch xây dựng làng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, khớp nối với các dự án đầu tư, khu dân cư lân cận đảm bảo phát triển

ổn định, bền vững. Khai thác hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư và nâng cao đời sống nhân dân khu vực.

6. Các nội dung quy hoạch:

Dân số khu vực lập quy hoạch khoảng 2.500 người, Trong đó:

- Số lượng khách du lịch lưu trú dự kiến khoảng 2.000 người
- Số lượng khách du lịch vắng lại dự kiến khoảng: 300 người
- Số lượng nhân viên dự kiến khoảng: 200 người

6.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích quy hoạch được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A3, A4,...,A27, A1 là: 250.000m².

Trên cơ sở mạng lưới giao thông định hình theo bản vẽ quy hoạch xác định ranh giới, diện tích từng loại đất, phương án bố trí lựa chọn sử dụng đất như sau:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

| STT | CHỨC NĂNG LOẠI ĐẤT | KÝ HIỆU | DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²) | TỶ LỆ (%) | CHỈ TIÊU | | | |
|-----|--|---------|------------------------------------|-----------|----------------------|------------------------|----------|-----------|
| | | | | | MẬT ĐỘ XD LÔ ĐẤT (%) | DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (%) | TÀNG CAO | HỆ SỐ SDD |
| A | ĐẤT XÂY DỰNG LÀNG VĂN HÓA DU LỊCH VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỊCH SỬ ĐẶC BIỆT QUỐC GIA TẠI XÃ TÂN TRÀO, HUYỆN SƠN DƯƠNG | | 97.218 | 38,89 | | | | |
| I | ĐẤT XÂY DỰNG HOMESTAY (298 LÔ) | HST | 28.146 | 11,26 | | | | |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-01 | 480 | 0,19 | 80 | 384 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-02 | 480 | 0,19 | 80 | 384 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-03 | 477 | 0,19 | 80 | 382 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-04 | 476 | 0,19 | 80 | 381 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-05 | 500 | 0,20 | 80 | 400 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-06 | 478 | 0,19 | 80 | 382 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-07 | 476 | 0,19 | 80 | 381 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-08 | 464 | 0,19 | 80 | 371 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-09 | 725 | 0,29 | 80 | 580 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-10 | 720 | 0,29 | 80 | 576 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-11 | 720 | 0,29 | 80 | 576 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-12 | 840 | 0,34 | 80 | 672 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-13 | 840 | 0,34 | 80 | 672 | 3 | 2,40 |

| | | | | | | | | |
|------------|---|------------|---------------|-------------|-------|-------|---|------|
| | Tổng cộng 6 lô | HST-14 | 768 | 0,31 | 80 | 614 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-15 | 433 | 0,17 | 80 | 346 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-16 | 406 | 0,16 | 80 | 325 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-17 | 576 | 0,23 | 80 | 461 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-18 | 634 | 0,25 | 80 | 507 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-19 | 480 | 0,19 | 80 | 384 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-20 | 676 | 0,27 | 80 | 541 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-21 | 540 | 0,22 | 80 | 432 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-22 | 504 | 0,20 | 80 | 403 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 3 lô | HST-23 | 250 | 0,10 | 80 | 200 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-24 | 462 | 0,18 | 80 | 370 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-25 | 504 | 0,20 | 80 | 403 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 6 lô | HST-26 | 443 | 0,18 | 80 | 354 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 7 lô | HST-27 | 504 | 0,20 | 80 | 403 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-28 | 375 | 0,15 | 80 | 300 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 9 lô | HST-29 | 776 | 0,31 | 80 | 621 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 9 lô | HST-30 | 788 | 0,32 | 80 | 630 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 14 lô | HST-31 | 1.152 | 0,46 | 80 | 922 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 14 lô | HST-32 | 1.152 | 0,46 | 80 | 922 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 9 lô | HST-33 | 760 | 0,30 | 80 | 608 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 9 lô | HST-34 | 760 | 0,30 | 80 | 608 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-35 | 378 | 0,15 | 80 | 302 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-36 | 380 | 0,15 | 80 | 304 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-37 | 410 | 0,16 | 80 | 328 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-38 | 486 | 0,19 | 80 | 389 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-39 | 403 | 0,16 | 80 | 322 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | HST-40 | 524 | 0,21 | 80 | 419 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 4 lô | HST-41 | 380 | 0,15 | 80 | 304 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 12 lô | HST-42 | 1.142 | 0,46 | 80 | 914 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 12 lô | HST-43 | 1.142 | 0,46 | 80 | 914 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 12 lô | HST-44 | 1.135 | 0,45 | 80 | 908 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 12 lô | HST-45 | 1.147 | 0,46 | 80 | 918 | 3 | 2,40 |
| II | SHOP DỊCH VỤ BÁN LẺ QUANH BÃI XE (32 LÔ) | SDV | 2.518 | 1,01 | | | | |
| | Tổng cộng 7 lô | SDV-01 | 504 | 0,20 | 80 | 403 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 12 lô | SDV-02 | 890 | 0,36 | 80 | 712 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 8 lô | SDV-03 | 600 | 0,24 | 80 | 480 | 3 | 2,40 |
| | Tổng cộng 5 lô | SDV-04 | 524 | 0,21 | 80 | 419 | 3 | 2,40 |
| III | ĐẤT KHÁCH SẠN - NHÀ ĐÓN TIẾP | | 14.621 | 5,85 | | | | |
| | | | 13.115 | 5,25 | 58,02 | 10492 | 3 | 2,40 |
| | | | 1.506 | 0,60 | 61,62 | 1205 | 2 | 1,60 |

| | | | | | | | | |
|------------|---|--------------|----------------|---------------|--|--|--|--|
| IV | ĐẤT BÃI ĐỖ XE | P | 7.399 | 2,96 | | | | |
| | | <i>P-01</i> | 6.200 | 2,48 | | | | |
| | | <i>P-02</i> | 610 | 0,24 | | | | |
| | | <i>P-03</i> | 589 | 0,24 | | | | |
| V | ĐẤT QUẢNG TRƯỜNG | QT | 3.088 | 1,24 | | | | |
| VI | ĐẤT CÂY XANH | CX | 41.446 | 16,58 | | | | |
| | | <i>CX1</i> | 9.214 | 3,69 | | | | |
| | | <i>CX2</i> | 908 | 0,36 | | | | |
| | | <i>CX3</i> | 6.567 | 2,63 | | | | |
| | | <i>CX4</i> | 1.081 | 0,43 | | | | |
| | | <i>CX5</i> | 1.478 | 0,59 | | | | |
| | | <i>CX6</i> | 3.083 | 1,23 | | | | |
| | | <i>CX7</i> | 6.279 | 2,51 | | | | |
| | | <i>CX8</i> | 204 | 0,08 | | | | |
| | | <i>CX9</i> | 204 | 0,08 | | | | |
| | | <i>CX10</i> | 204 | 0,08 | | | | |
| | | <i>CX11</i> | 204 | 0,08 | | | | |
| | | <i>CX12</i> | 2.314 | 0,93 | | | | |
| | | <i>CX13</i> | 9.549 | 3,82 | | | | |
| | | <i>CX14</i> | 157 | 0,06 | | | | |
| | | <i>CX15</i> | 157 | 0,06 | | | | |
| | | <i>CX16</i> | 2.336 | 0,93 | | | | |
| | | <i>CX17</i> | 11.592 | 4,64 | | | | |
| B | ĐẤT KHÁC | | 152.782 | 61,11 | | | | |
| I | ĐẤT MẶT NƯỚC | MN | 59.165 | 23,67 | | | | |
| | | <i>MN-01</i> | 16.538 | 6,62 | | | | |
| | | <i>MN-02</i> | 28.820 | 11,53 | | | | |
| | | <i>MN-03</i> | 1.767 | 0,71 | | | | |
| | | <i>MN-04</i> | 425 | 0,17 | | | | |
| | | <i>MN-05</i> | 11.615 | 4,65 | | | | |
| II | ĐẤT KÈ | K | 11.525 | 4,61 | | | | |
| III | ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT | HT | 1.114 | 0,45 | | | | |
| | | <i>HT-01</i> | 669 | 0,27 | | | | |
| | | <i>HT-02</i> | 245 | 0,10 | | | | |
| | | <i>HT-03</i> | 200 | 0,08 | | | | |
| IV | ĐẤT GIAO THÔNG, HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ | | 80.978 | 32,39 | | | | |
| A+B | TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT QH | | 250.000 | 100,00 | | | | |

6.2. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

Bộ cục kiến trúc cảnh quan tạo sự hài hoà các yếu tố tự nhiên - nhân tạo. Việc xác định các trục, tuyến, điểm mốc không gian chủ đạo của toàn khu cũng như từng công trình xác định trên cơ sở các mốc, đường trục cảnh quan tự nhiên hiện có của khu vực.

Quy hoạch các khu vực điểm nhấn, cửa ngõ, xây dựng các công trình biểu tượng v.v... Khống chế các điểm cao, khai thác các điểm nhìn, quy hoạch bảo tồn các giá trị cảnh quan địa hình tự nhiên, phát huy giá trị không gian cảnh quan toàn khu.

Quy hoạch không gian chức năng được bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phù hợp với bộ cục kiến trúc và các không gian xanh. Các trung tâm dịch vụ công cộng, trung tâm thương mại tại các điểm cửa ngõ, thiết kế đô thị tạo sự đa dạng về loại hình kiến trúc mang bản sắc riêng của khu vực.

Bố trí không gian cảnh quan phù hợp với môi trường sinh thái, tạo lập hệ thực vật đa dạng phong phú, các không gian mở, kết hợp hài hoà về không gian, khối tích và phân cấp theo quy mô và tính chất chức năng hoạt động, đặc điểm địa hình, khí hậu tự nhiên mang tính chất vùng miền.

Các khu vực chức năng được thiết kế với đặc thù riêng từng khu vực, toát lên yếu tố công năng hài hoà với cảnh quan thiên nhiên. Các khu vực đều được trang trí bằng thiết kế ánh sáng, thông gió tự nhiên. Quản lý lưu thông, các bãi đỗ xe, các điểm giao cắt cần được thiết kế an toàn. Tạo thẩm mỹ là điểm nhấn trong tổng thể không gian khu đón tiếp và vùng lân cận.

6.2.1. Các Khối không gian kiến trúc gồm:

Điểm nhấn là các công viên cây xanh nhỏ trong nhóm nhà Homestay sinh thái với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại cùng các mảng khối đặc - rộng mang màu sắc hài hòa, gần gũi với thiên nhiên, cảnh quan khu vực.

Gắn kết hệ thống cây xanh, cảnh quan được bố trí trong khu vực tạo các khoảng mở, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, lưu trú. Tạo lập một khu hiện đại đồng bộ, hài hòa với tự nhiên, phát triển bền vững. Khu sinh thái du lịch đón tiếp, lưu trú, nghỉ dưỡng gồm các hạng mục:

- + Công trình công cộng: Nhà đón tiếp, khách sạn;
- + Công trình thương mại dịch vụ bán lẻ;
- + Bãi đỗ xe công cộng;
- + Khu lưu trú;
- + Đất cây xanh, thể thao, sân chơi, bãi đỗ xe nội bộ.
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.2. Giải pháp cho các khu vực quan trọng:

Trên cơ sở các chức năng đã được xác định, ý tưởng thiết kế sẽ hình thành được các vùng cảnh quan, các trục, tuyến và điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan, về không gian chiều cao không có nhiều sự lựa chọn do đây là khu lưu trú kết hợp với chức năng đón tiếp, luân chuyển khách du lịch nên việc thiết kế chiều sâu

trong các khoảng không gian mở, không gian xanh sẽ là trọng tâm, phương án tổ chức trồng cây xanh, công viên, quảng trường, các khoảng trống sân bãi...vv sẽ đem lại không gian xanh cho khu chức năng thêm phần tiện nghi.

Mục đích là tạo lập hình ảnh gần gũi với thiên nhiên, khu chức năng có chất lượng thẩm mỹ, thể hiện được bản sắc văn hoá của địa phương. Bố cục không gian kiến trúc có nhịp điệu, có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, giữa công trình thấp tầng và cảnh quan cây xanh.

6.3.3. Hạ tầng kỹ thuật:

Khu vực nghiên cứu với mục đích ưu tiên hàng đầu là cảnh quan môi trường, trong đó cảnh quan mặt nước sông Phó Đáy với hai cây cầu và hệ thống kè, đường dạo ven sông với cốt cao độ mặt nước hiện trạng ổn định ở mức 70,10m; cao độ đỉnh kè điểm thấp nhất là 71,50m; cao nhất là 72,80m. Mức nước hiện trạng cách đỉnh kè trung bình là 2m. Mức nước hiện tại khá phù hợp với cảnh quan khu vực và các hoạt động lưu trú, vui chơi giải trí sau khi hoàn thành dự án.

+ *Giao thông:*

- Giao thông đối ngoại: Quy hoạch với định hướng bám theo 02 trục đường hiện trạng dọc theo hai bên bờ sông có quốc lộ 2C và đường tỉnh ĐT 185. Kết nối hai bên bờ bởi cầu Thác Rã và cầu Trắng, bao quanh khu quy hoạch tạo thành mạch vòng khép kín vừa thuận tiện về giao thông cho nhân dân trong vùng vừa tách khu quy hoạch với xung quanh tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

- Đường giao thông chính bao gồm 02 tuyến:

+ Trục đường quốc lộ 2C mặt cắt 3 - 3 với 02 làn đường rộng 7,5m; dải phân cách cây xanh ở giữa từ 3m-13m; hành lang mỗi bên rộng 15m;

+ Trục đường ĐT 185 mặt cắt 1 - 1 có chỉ giới đường đỏ rộng 21,0m trong đó mặt đường rộng 11,0m; hành lang mỗi bên rộng 5m.

- Giao thông nội bộ: Giao thông nội bộ kết hợp với hai trục giao thông đối ngoại và các trục đường kết nối giữa các phân khu liên kết giữa các công trình và các khu nhà ở homestay, quảng trường tiếp đón ... khu vườn cây bảo đảm lưu thông liên hoàn;

Đường nội bộ trong khu dân cư mặt cắt 2 - 2 có chỉ giới đường đỏ rộng 13,5m trong đó mặt đường rộng 7,5m; hành lang hai bên mỗi bên rộng 3m; hướng tuyến và quy mô của hệ thống đường giao thông khu vực quy hoạch đảm bảo giao thông đối nội trong khu quy hoạch và kết nối khu vực quy hoạch với hệ thống giao thông đối ngoại.

+ *San nền:*

Nền xây dựng các công trình mới gắn kết với khu vực hiện hữu, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan khu vực quy hoạch và tuân theo quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025 và quy hoạch tổng thể phát triển khu di tích quốc gia Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 đã được phê duyệt.

Cost cao độ tự nhiên thấp nhất là khu vực bờ sông Phó Đáy: +68.89m; cao nhất là khu ngã 3 đi Bình Yên: +77.60m; cao độ khống chế san nền cho khu quy hoạch trung bình từ +73.10m đến +76.60m. Hướng san nền tập trung dốc về phía

sông Phó Đáy; San nền các lô đất được giới hạn bởi các đường giao thông, tạo hướng dốc từ trong lô đất ra xung quanh, độ dốc san nền $i = 0,5\%$ đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi.

+ *Thoát nước mưa:*

Lựa chọn hướng tiêu thoát chính tuân theo địa hình nhiên, Nước mặt được thu gom qua hệ thống cống hộp và thoát ra sông Phó Đáy; xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt riêng độc lập, chủ yếu sử dụng cống Bê tông cốt thép. Tại các vị trí qua đường có bố trí cống bằng BTCT chịu lực.

Dựa theo quy hoạch san nền và giao thông, bố trí mạng lưới cống thoát nước mưa theo dạng nhánh, chạy dọc theo các lô đất quy hoạch, các tuyến cống BTCT kích thước $b \times h = 600 \times 800$ (mm) các tuyến nhánh thu gom nước sau đó được thu gom tập trung về các tuyến cống thoát chính rồi định hướng kết nối thoát ra hệ thống cửa xả.

Thu gom nước mặt trên các trục đường sử dụng hố ga thăm nước mưa; hệ thống thoát nước sử dụng cống hộp bê tông cốt thép chịu lực $b \times h = 600 \times 600$ (mm) đến 1.000×1.200 (mm). Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến giếng thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

+ *Cấp nước:*

Nguồn nước: Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ nguồn Trạm xử lý được đầu tư xây dựng phục vụ cho dự án với công suất $Q=905$ (m³/ngđ); xây dựng các đường ống D110 chạy trên trục đường Quốc lộ 2C và DH15, đầu nối vào khu dân cư là đường ống D663; các tuyến ống phân phối D63mm là mạng cấp nước vào đến các công trình.

Cấp nước cứu hoả: Cấp nước cứu hoả dự kiến là hệ thống cứu hoả áp lực thấp và được lấy từ đường ống cấp nước sinh hoạt. Dọc theo các tuyến ống có đường kính từ D110 dự kiến sẽ bố trí các họng cứu hoả với khoảng cách và vị trí đảm bảo đúng quy định. Khoảng cách giữa các họng cứu hoả ≤ 150 m; bố trí các họng chờ chữa cháy được lắp đặt để nối hệ thống đường ống chữa cháy bên trong với nguồn cấp nước chữa cháy từ bên ngoài.

Hệ thống tưới cây rửa đường: Sử dụng kết hợp hệ thống tự động và thủ công, hệ thống tự động bố trí tại các khu vực vườn hoa công cộng.

+ *Cấp điện:*

Di chuyển và hạ ngầm lưới điện trung thế 10(22)kv chạy qua các khu homestay, đảm bảo an toàn lưới điện và xây dựng mới 02 trạm biến áp có công suất 450KVA-10(22)/0,4kv để cấp cho khu vực quy hoạch và 02 trạm đã có của khu vực;

Xây dựng mới các tuyến cáp loại Cu/XLPE/PVC-0,61kV, tiết diện (4x70 đến 4x240) mm² cấp điện cho hệ thống tủ hạ thế, tủ công tơ. Cáp được luồn trong ống HDPE, đi ngầm trong hào cáp; tủ điện công tơ đặt ở vỉa hè.

Chiếu sáng đường giao thông: Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng được cấp từ 1 lộ trong tủ phân phối điện hạ thế của Trạm biến áp; lắp đặt các tủ điện điều khiển chiếu sáng phục vụ cho các tuyến đường nội khu;

Hệ thống đèn đường giao thông sử dụng đèn LED loại ngoài trời, công suất bóng 150W-220V. Đèn được lắp trên cột thép bát giác liền cần dùng bích đế, các cột đèn được bố trí cách nhau 30 đến 40m; hệ thống đèn chiếu sáng công viên, vườn hoa sử dụng đèn cầu bóng, công suất bóng mỗi bóng 40W-220V.

+ Thông tin liên lạc:

Thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu vực được đấu nối với hệ thống thông tin liên lạc chung của khu vực; Cấp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực; tủ cáp thông tin liên lạc đi ngầm theo hệ thống điện sinh hoạt.

Xây dựng hệ thống công bề theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho nâng cấp, cải tạo một cách thuận lợi cho nhu cầu phát triển trong tương lai.

Hạ ngầm tất cả các loại cáp, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể chôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin, mỹ quan và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác;

Vị trí và khoảng cách bề cáp cách nhau 80-100m; tất cả các tuyến cống trên đường trục chính trong khu vực là ống HDPE Φ 110.

+ Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

Các loại chất thải khác nhau phải được đựng trong thùng khác nhau, việc phân loại chất thải phải được thực hiện ngay tại nguồn thải. Rác, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom bằng thùng rác và đưa đến khu xử lý tập chung; chất thải rắn của toàn khu được thu gom tại điểm trung chuyển rác nằm tại vị trí cách cầu Thác Rặng đường đi xã Bình Yên 300m (trong ngày) và chuyển về khu xử lý rác thải của huyện.

Tuyến cống thu gom có đường kính D200mm chạy dọc theo phía sau dãy nhà. các đường khu vực thu gom nước thải từ các tuyến cống nhánh của từng khu công trình rồi tập trung về các tuyến cống chính D300 – D400 và thoát vào mạng lưới thoát nước khu vực, theo quy hoạch phân khu nước thải được thu gom về phía bể BASTAF (bể xử lý nước thải) sau đó thoát theo mạng lưới cống thoát nước chung thoát về phía sông Phó Đáy.

+ Đánh giá môi trường:

Đồ án quy hoạch chi tiết Làng Văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương lựa chọn đã phát huy được các tiềm năng về kinh tế, xã hội, giá trị lịch sử và môi trường. Khi triển khai dự án cụ thể cần cân nhắc đến các vấn đề về môi trường để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Đồ án được đánh giá môi trường khu vực nghiên cứu quy hoạch, các vấn đề môi trường cần giải quyết trong quy hoạch xây dựng và lồng ghép các mục tiêu môi trường vào trong quy hoạch xây dựng, đảm bảo sự thống nhất giữa các mục tiêu môi trường và các mục tiêu quy hoạch, các giải pháp chiến lược nhằm bảo vệ môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn.... trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Chủ đầu tư xây dựng công trình và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐT.XD-H)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương